

vỡ nợ tháng 9-1878, chẳng những thiếu HPB và ông Olcott một số tiền mà ông Brown còn tạo sự bất hòa với hai vị.

Betanelly.

Ta có đi trước thời gian một chút, nay trở lại năm 1875 bài viết của ông Olcott trên báo về hiện tượng ở trại Eddy có nhắc đến HPB, khiến một người Nga tên Michael C. Betanelly liên lạc với ông ngỏ ý muốn được tiếp xúc với HPB. Ông bày tỏ lòng ngưỡng mộ rồi sau một thời gian muốn thành hôn với bà. HPB tin ông Nikifor Blavatsky đã qua đời và nay mình là góa phụ do thư của Vera từ nhà cho biết, nhưng bà từ chối nhiều bận đề nghị của ông Betanelly. Ông Olcott nhận xét ông Betanelly trẻ tuổi hơn HPB, trình độ trí thức thấp hơn, nghề nghiệp chưa vững (thương nghiệp xuất nhập cảng của ông Betanelly chỉ mới lập) nên hẳn HPB phải điên mới nhận lời lập gia đình.

Tuy nhiên HPB giải thích là ông Betanelly theo đuổi bà quá mức, thề thốt rằng hết sức thần phục khả năng trí tuệ của bà, chỉ muốn được chăm lo bà mà không hề nghĩ có đời sống vợ chồng, khiến HPB cuối cùng tin lời và thuận theo, nhưng đặt điều kiện là bà vẫn giữ tên của mình, hoàn toàn độc lập về mọi mặt và không chịu một ràng buộc nào. Việc diễn ra khoảng tháng ba hay tư 1875 đến khoảng tháng 7-1875 cuộc hôn nhân tan rã, do việc ông Betanelly không giữ đúng những lời cam kết. HPB phân trần với ông Olcott rằng trọn câu chuyện không thể tránh được, ông Betanelly và bà có karma chung không sao tháo gỡ. Cuộc hôn nhân là sự trừng phạt cho lòng kiêu ngạo tẻ hại và tính háo chiến, điều làm ngăn trở sự tiến hóa tâm linh của HPB. Ngoài ra còn một đề nghị giải thích sự kiện theo cách khác, bạn có thể đọc thêm trong những sách ở cuối bài.

Trong thời gian này nhiều hiện tượng xảy ra quanh các nhân vật kể trên, xin ghi lại đây hai chuyện làm thí dụ. Ông Olcott nhận thấy nhà HPB không đủ khăn lau tay mới mua vài mang về, cắt thành khăn. HPB không viên mà để y vậy đem ra dùng. Khi ông Olcott phản đối thì HPB vui vẻ ngồi xuống lấy kim chỉ, nhưng mới bắt đầu thì chân bà đá mạnh dưới bàn và nói:

- Đồ điên, ra chỗ khác chơi.
- Chuyện gì thế ? ông Olcott hỏi. HPB đáp:
- Tinh linh kéo áo tôi muốn có việc để làm.
- Số dách ! ông Olcott reo lên, để nó viên khăn giúp mình bà dành làm chi, đường kim mũi chỉ của bà coi tệ quá.

HPB cười to và chê trách ông ăn nói không thuận tai chút nào. Ban đầu bà không thuận nhưng rồi xiêu lòng chịu nghe theo lời, bảo ông đặt khăn và kim chỉ vào tủ sách ở đầu kia gian phòng, khóa cửa kính của tủ lại. Ông làm y vậy xong trở lại ghé ngồi gần HPB, hai người trò chuyện đề tài bất tận mà họ ưa thích là huyền bí học. Chừng 15, 20 phút sau nghe có tiếng chít nhỏ như chuột kêu ở dưới bàn, HPB bảo rằng "vật quái quỷ" (a nuisance) đã làm xong khăn. Ông mở khóa cửa tủ sách thấy quả thực 12 khăn đã được viên xong, đường chỉ vụng dại như của trẻ nhỏ mới học may. Lúc đó trời sáng rõ khoảng 4 giờ chiều, và trong lúc việc diễn ra HPB ngồi một chỗ không hề đến gần tủ.

Chuyện thứ hai là do công việc, ông Olcott từ New York đến Philadelphia và ngụ nơi đó vài ngày. Ông ra bưu điện Philadelphia để xin chuyển thư từ New York về địa chỉ ở Philadelphia, chiều cùng ngày ông nhận được thư thẳng từ tay người phát thư. Bình thường lá thư có hai con dấu, một của bưu điện nơi nhận thư và một nơi phát thư, khi có chuyển thư như yêu cầu của ông Olcott thì trên thư sẽ có ba con dấu, một sẽ là nơi thư gửi đi, hai là dấu nhận của New York và ba là dấu của Philadelphia nơi thư được chuyển về. Tuy nhiên những thư trên tay ông chỉ có một là chỗ gửi thư mà không có dấu New York. Làm sao nhân viên bưu điện biết ông đi Philadelphia

để chuyển thư. Chưa hết, khi mở thư ông thấy bên lề và ở những khoảng trống của thư có lời nhận xét về nội dung thư và người viết.

Miracle Club

Nỗ lực thứ ba của các Chân sư và HPB trong việc giảm bớt khuynh hướng duy vật là qua ông Olcott thành lập một hội chuyên nghiên cứu về phép lạ, mang tên "The Miracle Club" vào tháng 5-1875. Theo ông dự định của hội là thu hút những người có thành đạt trong khoa học và những ngành khác, chọn lọc hội viên trong số người nộp đơn để bảo đảm với công chúng là việc nghiên cứu của hội đáng tin. Mọi hiện tượng, hiện hình sẽ diễn ra ở chỗ sáng sủa không có tử nào.

HPB ghi nhận xét về tin này trong tập ký sự:

- Được lệnh khởi sự cho công chúng hay sự thực về hiện tượng và đồng cốt. Nay tới lúc tử vi đạo ! Tất cả ai theo thông linh học sẽ chống lại tôi, cộng thêm với tín đồ Thiên chúa giáo và kẻ hoài nghi. Xin cho ý Chân sư được trọn.

Khó khăn mà HPB phải đối đầu và đau khổ phải gánh chịu hiển nhiên sẽ đến vì theo quan điểm của phong trào thông linh học, HPB tạo hiện tượng khuyến khích mọi người tin có thể giới vô hình, người chết trở về và nay quay 180 độ, tuyên bố rằng đó không phải là linh hồn người đã khuất, tất cả do tinh linh mà ra và ta chớ nên cầu hồn ! Nhưng ta nên nhớ rằng tuy sinh ra hiện tượng, bà không hề nói đó là người chết thực sự trở về.

HPB nói rằng đó là lý do tại sao Ấn giáo và Phật giáo khuyến cáo về những ảnh hưởng tai hại của việc liên lạc với người đã khuất. Ngoài ra một lý do căn bản mà MTTL không khuyến khích việc có tiếp xúc giữa người sống và ai qua đời, là hành động ấy lôi cuốn người sau vào thế giới của chúng ta với bao đau khổ, tàn bạo, khiến đời sống sau khi chết trở thành địa ngục mà không phải là thiên đàng. Linh hồn cần sự bình an và ngơi nghỉ về mặt tâm linh giữa hai kiếp sống. Tuy nhiên nó không có nghĩa là chúng ta bị cắt đứt hoàn toàn với thân nhân đã chết, bà viết:

- Chúng ta ở gần với họ lúc này hơn bất cứ khi nào lúc họ còn tại thế... vì tình thương thanh khiết tuy phát xuất từ tâm người nhưng có gốc rễ từ sự hằng hữu... Tình thương sau khi ai qua đời có mãnh lực thiêng liêng và kỳ lạ tác động lên người còn sống, dù bạn cho đó là huyền tưởng. Nó thể hiện trong giấc mơ của ta và thường khi qua những sự việc khác nhau, như có sự che chở và thoát hiểm lạ lùng, bởi tình thương là cái mộc bảo vệ mạnh mẽ không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Nhân quả sẽ mang lại với nhau những ai thương yêu nhau có tình thân ái tình thân để tái sinh lần nữa vào cùng gia tộc.

Giống như *Société Spirite* tại Cairo, Miracle Club muốn người đồng để làm hiện tượng nhưng cũng không thành. Tối ngày 7-9-1875 có buổi họp mặt thân hữu tại nơi cư ngụ của HPB bàn về những hiểu biết cổ xưa đã thất truyền của Ai Cập, ông Olcott nảy ra ý nghĩ lập một hội để theo đuổi việc tìm hiểu và quảng bá hoạt động như vậy, ông viết giấy nhờ ông Judge trao cho HPB đọc, bà gật đầu đồng ý nên ông đứng lên trình bày. Mọi người chấp thuận và sau những thủ tục là tới việc chọn tên hội. Chuyện kể rằng một trong những người hiện diện tìm trong tự điển được chữ "Theosophy" và nó được dùng làm tên hội, nhưng ta cũng có mặt khác của chuyện. Ấy là chữ "Theosophy" đã được HPB dùng từ tháng 2-1875 trong thư gửi cho thân hữu, và vào tháng 7-1875 bà ghi trong tập ký sự.

- Nhận lệnh từ Ấn Độ chỉ thị việc lập một hội triết lý-tôn giáo và chọn tên cho nó.

Những buổi họp kế tiếp được dành cho việc bầu ban chấp hành với ông Olcott được chọn làm hội trưởng, thảo nội quy, chọn nơi họp, nhận hội viên và tới ngày 17-11-1875 với bài diễn văn khai mạc của ông hội trưởng, hội được chính thức thành hình.

Lý Do Thành Lập Hội.

Nhiều năm về sau ông Olcott lưu ý hội viên là khi ấy hội không có ba mục đích như ta biết ngày nay, tỉnh huynh đệ đại đồng không được nêu ra vì ý tưởng lập hội phát sinh từ bài nói chuyện tối ngày 7-9-1875 ghi ở trên. Xét về mọi mặt thì hội phát triển dần dần tùy theo hoàn cảnh và những lực đối nghịch, đường hướng chung vẫn giữ, động lực hướng dẫn vẫn y vậy nhưng chương trình được thay đổi, mở rộng và cải thiện theo với kinh nghiệm và có hiểu biết hơn. Chương trình được hoạch định sẵn nhưng chi tiết để cho người trong hội tự soạn theo khả năng của mình. Tới năm 1878 tỉnh huynh đệ đại đồng mới trở thành một mục đích của hội.

Vậy thì lúc ban đầu hội được xem như là tổ chức thu thập và truyền bá hiểu biết, tư tưởng triết lý cổ xưa và MTTL, nghiên cứu bí truyền. Đó là mục tiêu của đa số người hiện diện trong buổi tối thành lập hội, tuy nhiên còn một mục tiêu khác chỉ HPB biết mà giữ kín, phải đến năm 1886 mới ghi cho mọi người rõ:

1. Tạo một tỉnh huynh đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu Tôn Giáo, Triết Lý và Khoa Học.
3. Học hỏi những triết lý của đông phương, chính yếu của Ấn Độ và từ từ trình bày nó cho công chúng qua sách vở giải thích các tôn giáo công truyền theo hiểu biết từ những chỉ dạy bí truyền.
4. *Đối kháng lại chủ trương duy vật và óc tín điều về thần học bằng mọi cách, qua việc biểu diễn sự hiện hữu của những lực huyền bí mà khoa học không biết trong thiên nhiên, và sự hiện diện những quyền năng tâm linh và tinh thần trong con người. Cùng lúc ấy nỗ lực mở rộng quan điểm của người thông linh học bằng cách cho họ thấy rằng còn có nhiều tác nhân khác sinh ra hiện tượng ngoài 'vong linh' của người chết. Mê tín phải được phơi bày và tránh hẳn, và biểu diễn bằng trọn khả năng của chúng tôi cho thấy những lực huyền bí—lành và không lành—hằng bao quanh chúng ta và lộ ra sự hiện diện của chúng bằng nhiều cách.*

Năm 1886, trong thư cho một hội viên ông Hartmann HPB thêm nhiều chi tiết khác:

- Tôi được chủ tâm gửi đến Hoa Kỳ và trại gia đình Eddy. Ở đó tôi gặp ông Olcott rất mê say với chuyện về vong linh, và về sau quý yêu Chân sư nồng nhiệt y như vậy. Tôi được lệnh làm cho ông hiểu là những hiện tượng thông linh mà không có triết lý bí truyền đi kèm thì đầy nguy hiểm và sai lạc. Tôi chứng tỏ cho ông thấy rằng tất cả những gì người đồng có thể làm qua vong linh thì người khác có thể tự ý làm mà không cần vong linh nào cả; rằng ai trong thể xác mà có khả năng sử dụng những phần của thể tinh cảm sẽ có thể sinh ra tiếng chuông, đọc được ý nghĩ, tạo tiếng gõ và hiện tượng vật chất, và tôi có khả năng ấy từ hồi bốn tuổi như gia đình tôi biết rành. Tôi có thể làm cho bàn ghế chuyển dịch, và khiến đồ vật có vẻ như biết bay, cánh tay bằng thể tinh cảm của tôi cầm những vật này nhưng không ai thấy vì vô hình. Những điều này diễn ra ngay cả trước khi tôi gặp Chân sư.

Tôi nói cho ông Olcott hết mọi điều, bảo ông rằng tôi có biết các vị Chân sư, Đạo sư không những ở Ấn Độ và quá Ladakh, mà còn ở Ai Cập, Syria, vì ngày nay vẫn có các Chân Sư nơi ấy. Lúc bấy giờ danh hiệu 'Mahatma' của các ngài chưa được biết vì nó chỉ được gọi như thế ở Ấn Độ. Các Chân sư được gọi bằng nhiều

đánh hiệu khác nhau tùy theo các nơi, thường không lên tiếng, tránh ra mặt, giữ kín sinh hoạt và chưa hề tỏ lộ chính mình cho ai khác trừ phi họ làm như tôi đã làm, là trải qua bảy hay mười năm thử thách, chúng tỏ hết lòng tuyệt đối và giữ kín miệng ngay cả khi có thể gặp cái chết và bị đe dọa sẽ mất mạng. Tôi làm tròn những điều kiện và tôi trở thành như ngày nay...

Trọn cái tôi được phép nói là —Chân IL. Bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn có một rung tâm gồm nhiều Chân sư thuộc các quốc gia khác nhau và vị Ban Thiên Lama (Teschu Lama) biết các ngài. Tất cả các ngài cùng nhau làm việc, một số vị hành động chung với đức Ban Thiên Lama nhưng các vị lama trung bình mà đa số là người dốt nát, không biết con người thật của các ngài. Thầy của tôi và đức K.H. cùng một số vị tôi quen biết rõ, sống nơi ấy. Tất cả các ngài thường xuyên tiếp xúc với những Đạo sư tại Ai Cập và Syria, ngay cả ở Âu châu.

Tôi là người đầu tiên tại Hoa Kỳ làm cho công chúng biết về sự hiện hữu của các Chân sư, và trưng ra danh hiệu đáng quý trọng của hai vị trong đại đoàn huynh đệ mà từ xưa đến nay Âu châu và Mỹ châu không biết, ngoại trừ một số Đạo sư mà thời nào cũng có. Những danh hiệu ấy được xem là thiêng liêng và đáng tôn kính trong khắp phương đông, đặc biệt ở Ấn Độ.

Thầy gửi tôi đến Hoa Kỳ để xem có thể làm gì hầu ngăn chặn khoa bói toán và tà thuật được người thông linh học thực hiện một cách vô thức. Tôi được mang đến gặp ông Olcott để làm thay đổi tư tưởng của ông và tôi thực hiện được việc ấy. Hội được thành lập rồi từ từ được làm cho hòa theo những chỉ dạy của triết lý bí truyền thuộc trường phái lâu đời nhất về ngành này trong trọn thế giới, một trường phái cải tổ mà cuối cùng đức Phật xuất hiện. Những chỉ dạy này không thể cho ra một cách đột ngột mà phải được gieo dần dần vào tâm.

Ông Olcott tin rằng nếu hội Theosophia không thành công thì sẽ có những người khác được sử dụng làm việc tương tự, giống như ông được cho cơ hội khi *Société Spirite* tại Cairo tan rã năm 1871. Nhìn theo cách đó thì từ năm 1871 đã có nhiều nỗ lực bằng cách này hay cách kia sinh ra một tổ chức nhằm trình bày MTTL, kể ra như sau:

- Société Spirite, Cairo, 1871.
- Tạp chí *The Spiritual Scientist*, New York, 1874.
- The Miracle Club, New York, 1875.

Cả ba vì lý do này hay kia bị thất bại, phải đến nỗ lực lần thứ tư là hội, New York, 1875 mục tiêu mới đạt được.

Đó là về phần hai vị sáng lập làm việc cho Chân sư. Nay về các ngài thì năm 1882, đức M viết về sự thành lập của hội:

- Một hay hai chúng tôi hy vọng rằng thế giới đã tiến khá xa về trí tuệ, nếu không phải là cũng tiến về trực giác, nên triết lý bí truyền có thể được giới trí thức chấp nhận và nên có động lực mở một chu kỳ mới về việc nghiên cứu huyền bí. Những vị khác nghĩ khác mà nay ý kiến đó thấy là khôn ngoan hơn, nhưng có đồng ý làm thử. Dầu vậy một điều kiện đặt ra là cuộc thử nghiệm phải độc lập với việc làm của chúng tôi và không được có sự can thiệp bất thường của chúng tôi.

Thế thì khi đi tìm người phụ tá chúng tôi tìm được ở Hoa Kỳ người có tư cách lãnh đạo, một người có sự can đảm đạo đức lớn lao, không ích kỷ, và những đức tính khác. Ông không phải là người toàn hảo nhất nhưng là ứng viên tốt đẹp nhất có được. Chúng tôi cho liên kết với ông một phụ nữ có những khả năng tuyệt diệu hết sức khác thường. Ngoài các điều này bà có một số khuyết điểm riêng đáng kể, nhưng không có người thứ hai nào ngoài bà thích hợp cho phần việc.

Chúng tôi gửi bà đến Hoa Kỳ, mang hai người lại với nhau và cuộc thử nghiệm khởi sự. Ngay từ phút ban

đầu cả ông và bà được cho hiểu rõ rằng công chuyện hoàn toàn nằm trong tay họ, và cả hai dâng hiến trọn con người cho cuộc thử nghiệm để đổi lại phần thưởng trong tương lai xa thẳm, giống như người lính tinh nguyện cho cái Vô Phương Hy Vọng (*Forlorn Hope*) như đức K.H. nói.

Đức K.H. đưa giải thích sau, năm 1880 và 1881:

- Những vị lãnh đạo muốn có 'tinh Huynh Đệ trong Nhân Loại', một tinh Huynh Đệ Đại đồng thật sự được khởi đầu, một tổ chức làm cả thế giới biết đến nó và những tâm hồn cao cả nhất phải chú ý... Con sóng hiện tượng đang tràn dâng hiện nay với những ảnh hưởng thay đổi trên tư tưởng và tình cảm người, khiến cho việc làm sống lại sự tìm hiểu về MTTL trở thành nhu cầu không thể không có. Vấn đề duy nhất phải giải quyết là mặt thực tế, làm sao đẩy mạnh việc nghiên cứu cần thiết và cho phong trào thông linh học động lực nó cần để tiến lên. Điều tôi muốn nói về Vô Phương Hy Vọng là khi ta nhìn ngắm mức độ to lớn của phần việc mà những người tinh nguyện trong phong trào MTTL đảm trách, và nhất là vô số những tổ chức ra mặt chống đối, ta có thể xem nó như nỗ lực tuyệt vọng chống lại rủi ro kinh hồn mà người lính chân chính gắng sức thực hiện.

Ta chấm dứt phần nói về việc thành lập hội bằng lời giới thiệu một nhân vật khác quan trọng cho hội về sau tại Hoa Kỳ là William Quan Judge. Ông gốc người Ái Nhĩ Lan, sinh năm 1851 hành nghề luật sư tại New York từ năm 1872, và hiện diện trong những ngày đầu lập hội. Khi ấy sự có mặt của ông không được chú ý cũng như ông không có hoạt động gì đáng nói cho hội trong nhiều năm đầu, nhưng ông lặng lẽ chờ đợi, trung thành giữ cho ngọn lửa tinh thần âm ỉ cháy tại Hoa Kỳ sau khi hai vị sáng lập đi Ấn Độ, và khi thuận tiện làm cho nó bùng sáng rực rỡ. Ông có đặc tính vô úy (không sợ hãi), kiên tâm không mệt mỏi và do đó đã một tay gây dựng hội tại Hoa Kỳ từ 1884, không có ai trợ giúp mà được thành công lớn lao.

CHƯƠNG VII

Isis Unveiled

Sau khi lập trại gà lấy trứng không thành, tháng 11-1874 HPB về ngụ ở New York số 16 Ivring Place, nơi đây bà tạo một số hiện tượng cho ông Olcott và được ông ghi lại:

-... như tay không đụng vào bàn mà làm cho bàn nghiêng hay có tiếng gõ trên bàn khi mạnh khi nhẹ, với tay bà để trên cao cách bàn chừng 15cm hay đặt tay lên bàn tay tôi áp xuống mặt bàn. Hôm khác trên đường từ sở về nhà tôi mua một quyển vở để ghi chép và khi đến nhà tôi cho bà xem và nói ý định của tôi. Khi ấy bà đang ngồi còn tôi thì đứng. Bà không đụng cuốn tập hay làm bất cứ dấu hiệu huyền bí nào mà bảo tôi cất quyển vở vào người. Tôi làm y lời và sau một lát bà kêu tôi lấy nó ra xem. Tôi thấy có hàng chữ viết ở trang đầu tiên bằng bút chì và một hình vẽ. Quyển tập đang nằm trên bàn khi tôi ghi lại chuyện này. Cái đáng nói là không có ai trừ tôi đã đụng tay vào vở sau khi mua nó, cất nó trong túi cho tới khi lấy ra để HPB xem, đứng cách bà gần một thước, cất nó lại vào người và chỉ lấy ra vài phút sau khi được kêu làm vậy. Chữ viết và hình vẽ bằng bút chì bằng bút chì được viết ra khi cuốn tập nằm bên trong áo tôi.

'Từng chút từng chút một, HPB cho tôi biết về sự hiện diện của các đạo sư đông phương và quyền năng của

các ngài, tạo ra nhiều hiện tượng chứng minh là bà kiểm soát được những lực huyền bí của thiên nhiên.

Hội đã thành lập nhưng trong những năm đầu tại New York hoạt động rất ít không có gì đáng kể. Trong thời gian này việc gây chú ý nhất là bộ Isis Unveiled được xuất bản. Tuy HPB viết nhiều bài về hiện tượng siêu hình đăng trên báo chí tại New York, nhưng Isis là cơ hội cho người đời biết đến khả năng văn chương và hiểu biết về huyền bí học của bà. Trọn bộ 2 cuốn dày hơn 1.200 trang và vẫn còn tiếp tục được phát hành hiện nay, do ba nhà xuất bản khác nhau ấn hành. Nội dung của sách phong phú đến nỗi từ ngày sách ra đời người ta thường ngạc nhiên về sự hiểu biết uyên thâm của tác giả, ông Olcott là người thân cận với HPB cũng thắc mắc là bà đột nhiên tỏ ra thông thạo nhiều vấn đề ghi trong sách nên viết một thư dài bằng tiếng Pháp gửi cho bà đi Nadya ở Nga, hỏi về mức học vấn của HPB. Thư trả lời ngày 8-5, 1877 viết:

- Helena được giáo dục theo cách dành cho thiếu nữ trong gia đình nề nếp, được dạy dỗ chu đáo nhưng không nhằm có kiến thức sâu rộng thành học giả. Ông hỏi Helena biết những ngôn ngữ gì. Từ lúc nhỏ ngoài tiếng Nga là tiếng mẹ đẻ, Helena chỉ biết thêm Anh và Pháp ngữ. Về sau trong những lần du lịch Âu châu Helena học thêm một chút tiếng Ý. Lần chót tôi gặp Helena là cách đây 4 năm và tôi đoán chắc với ông đó là những thú tiếng Helena thông thạo. Về chuyện Helena tỏ ra thông thái không lường được 4 năm sau, trước đó không hề có dấu hiệu mà cũng không có chút hứa hẹn nào.

Tự HPB thì nói rằng bà được chân sư chỉ dạy, và trích lời Montesquieu nói bóng bẩy rằng công lao của mình, nếu có, trong những bộ sách chỉ là việc đóng góp sợi dây kết nhiều bông hoa thành bó hoa tuyệt sắc dâng hiến cho đời. Mà còn hơn thế nữa, ta sẽ thấy về sau bà được sử dụng như máy đánh chữ, qua đó ghi lại những điều các chân sư muốn truyền đến thế giới. Để thực hiện được việc ấy có vẻ như HPB trải qua một cuộc thay đổi tâm thức lạ lùng vào cuối tháng ba 1875 trước khi hội thành lập. Là người sống cạnh HPB ông Olcott ghi nhận điều này còn HPB nói về sự việc trong thư gửi cho em gái là Vera:

- (Khoảng đầu năm 1875) chị cảm thấy trong người có hai bản ngã (duality) rất kỳ lạ. Nhiều lần trong ngày chị cảm thấy cạnh mình có một ai khác, tách biệt hẳn với chị, hiện diện trong thân xác mình. Chị không hề mất ý thức về cá tính của mình, cái chị cảm thấy là dường như chị giữ yên lặng và người khác —người ở trong thân chị— nói bằng miệng lưỡi của chị. Chẳng hạn chị biết mình chưa hề tới những nơi chốn mà 'cái tôi khác' của chị mô tả, nhưng cái tôi này —cái tôi thứ hai— không nói láo khi nói về nơi chốn và những điều chị không biết, vì nó thực sự đã thấy và biết rõ các điều ấy rồi. Chị đành bỏ mặc, phó cho số mạng định đoạt theo ý nó vì tính ra, chị làm gì được bây giờ? Chuyện sẽ rất kỳ quặc nếu chị bác bỏ hiểu biết mà cái tôi thứ hai bảo là nó có, nên có lúc người chung quanh nghĩ rằng chị giữ kín không nói họ nghe là vì khiêm nhượng.

Ban đêm một mình trên giường, trọn cuộc đời của cái tôi thứ hai diễn ra trước mắt chị, và chị không thấy mình chút nào mà thấy một người khác hẳn —về chủng tộc lẫn cảm xúc. Nhưng nói về chuyện đó thì có ích gì? Biết không cũng đủ điên rồi. Chị ráng làm quen với tình trạng và quên đi sự kỳ lạ của nó. Đây không phải là chuyện đồng cốt hay ảnh hưởng không tốt mà nó cao vượt bậc đưa ta đến chuyện tốt lành.

Sau đó HPB cho gia đình hay về nhân vật thứ hai này tức thầy của mình:

- Chị thấy vị thầy Ấn Độ này hằng ngày, y như gặp gỡ bất cứ người sống nào chỉ có cái khác biệt là trông ngài thanh nhẹ và trong suốt hơn. Khi trước chị giữ yên không nói gì về những lần ngài xuất hiện, cho đó là huyền ảnh nhưng nay người khác cũng thấy được hình ảnh của ngài. Ngài xuất hiện và cho ý kiến về cách làm việc cách viết. Thấy rõ là ngài biết mọi chuyện gì đang xảy ra, ngay cả tư tưởng của người khác và khiến chị biểu lộ sự hiểu biết của ngài. Đôi khi chị thấy như ngài phù trợ trọn con người của chị, đi vào người chị thật giản dị như hương trong không thấm qua chân lông và tan biến vào người. Lúc đó cả hai có thể nói chuyện với người

khác và khi ấy chị bắt đầu hiểu và nhớ các khoa học và ngôn ngữ —tất cả những gì ngài chỉ dạy chị, ngay cả khi ngài không còn ở cạnh chị nữa.

Có vẻ như nguồn cảm hứng không phải chỉ phát xuất từ các vị thầy của HPB, mà lúc khác bà cho Vera hay:

- Không phải người nói và viết sách là chị mà là một cái gì khác bên trong chị, cái chân ngã sáng chói cao hơn, là cái nghĩ và viết cho chị.

Ban đầu gia đình rất kinh sợ khi đọc thư của HPB. Vera thuật lại trong bài báo (1891) viết sau khi HPB đã qua đời:

- Chị tôi làm gia đình ngạc nhiên với những chuyện dự tính lập hội 'Tỉnh Huynh Đệ Đại Đồng', về học hỏi triết lý cổ truyền đông phương, về chị đã bắt đầu viết bộ sách lớn (Isis Unveiled). Tôi vẫn còn nhớ như thể mới xảy gần đây là gia đình ngẩn ngơ ra sao với tin đó. Thật tình tôi không biết phải nghĩ thế nào, làm sao giải thích mơ tưởng viễn vông ấy... Mới đầu gia quyến không tin chúng tí nào và trong một thời gian dài về sau thân nhân nghi ngờ chuyện viết lách của chị, nói thật ra tin rằng chúng là chuyện giả mạo và lừa bịp !... Tôi luôn luôn biết chị tôi thông minh có khả năng, nhưng đột nhiên viết về một khoa như vậy, mãi cho tới gần đây tôi vẫn sợ là chị đã mất trí ... Tôi chỉ nhẹ người một chút khi thỉnh thoảng Helena Petrovna gửi cho tôi những bài của chị mà báo chí Hoa Kỳ đã đăng cùng với lời bình luận trên báo, chúng làm tôi yên lòng là không cần phải đưa ngay chị vào dưỡng trí viện.

Nói về Vị thầy của HPB, Vera viết:

- Chị là người không hề chịu khuất phục ai, ngay từ hồi nhỏ chỉ một mực làm theo ý mình trong mọi chuyện, đột nhiên chị tìm ra một đấng, một vị mà chị lạng lẽ từng phục ý chí của ngài ! Mà lại là người như thế nào chứ ! Người biết huyền thuật, người Ấn Độ bên bờ sông Hằng như trong chuyện thần thoại ! Tôi không hiểu gì hết ! ... Tôi phải thú thật là tới ngày nay tôi vẫn chưa hiểu. Dù tôi đến thăm chị luôn, gần như hằng năm trong năm năm qua, mỗi lần ở nhà của chị vài tháng, tôi hiểu rất ít về tất cả những lời giải thích hăng hái của chị. Ngày nay (1891) cũng như là 15 năm về trước tôi ngạc nhiên lạ lùng đối với hiện tượng không giải thích được là óc thông thái uyên thâm tự nhiên mà có của chị, hơn là với tất cả những chuyện tuyệt vời mà người trong hội gán cho chị.

Isis được khởi soạn trước khi thành lập hội. Ông Olcott viết lại (A):

- Không có gì xảy ra một cách tự nhiên và không kèn không trống hơn cái khởi đầu của bộ Isis, một hôm vào mùa hè 1875, HPB cho tôi xem vài tờ bản thảo và nói:

- Tôi viết bài tối qua "theo lệnh" nhưng thật tình không biết là để làm chi. Có thể là cho bài gửi đăng trên báo, hay viết thành sách, hay chẳng là gì cả. Ra sao thì ra, tôi chỉ tuân theo lệnh mà làm.

Và bà cất tập giấy vào ngăn kéo, không đề cập tới nó trong một thời gian lâu. Vào tháng 9-1875 bà đến chơi nhà hai người bạn mới của mình là giáo sư Corson dạy đại học Cornell và vợ ông, và tiếp tục viết sách ở đó. Bà gửi thư cho tôi, nói rằng nó sẽ là cuốn sách về lịch sử và triết lý của các học phái đông phương và sự liên hệ của chúng với các học phái của thời đại chúng ta. Bà bảo sẽ viết về những môn mà bà chưa hề học và trích dẫn từ những sách chưa hề đọc trong đời. Về điểm này để kiểm lại sự chính xác của bà, giáo sư Corson đã so sánh những câu trích dẫn của bà với các tác phẩm cổ điển của thư viện đại học và thấy là chúng đúng thực.

Nhờ các khám phá sau này về tài liệu thuộc giáo sư Corson lưu trữ tại đại học Cornell, chấp nối lại ta được biết rõ thêm sự việc. Lúc đó giáo sư Corson dạy tại đại học Cornell, về một số mặt ông được xem là vị giáo sư quan trọng nhất mà đại học Cornell đã có từ trước đến nay, rất có tiếng về bài giảng và bài viết của ông về văn chương Anh. Khi con gái đột ngột qua đời lúc 16 tuổi vào tháng 7 năm 1874, sự đau khổ khiến ông chú ý đến thông linh học (spiritualism) và mời HPB đến nhà ở Ithaca, New York để nhờ bà tiếp xúc với con gái. Bà tới đây

khoảng tháng chín 1875, ông hy vọng bà sẽ mở buổi cầu hồn, tuy nhiên chẳng những bà không thuận mà còn khăng khăng chống lại bất cứ việc gì liên quan đến chuyện tiếp xúc với người đã khuất. Con trai giáo sư kể rằng:

- HPB dành hết thì giờ ngồi ở bàn viết, viết hoài, viết mãi, viết trọn cả ngày lẫn đêm thư từ liên lạc với người khác bằng tay. Chính ở nhà của ba tôi mà HPB bắt đầu bộ Isis Unveiled, mỗi ngày viết khoảng 25 trang lớn đặc kín. Bà không có sách để tham khảo, thư viện rất lớn của ba tôi gần như chỉ toàn là sách về văn chương Anh... và bà ít khi hỏi ý kiến ông về bất cứ chuyện gì.

Trong một cuộc phỏng vấn, giáo sư Corson xác nhận điều này:

- Bà luôn làm tôi kinh ngạc lạ lùng về việc gì sẽ tới. Bà có hiểu biết thâm sâu về đủ thứ chuyện, và cách làm việc của bà rất khác thường. Bà viết trong giường từ 9 giờ sáng, hút không biết bao nhiêu điếu thuốc lá (200 điếu một ngày), trích y nguyên văn nhiều đoạn dài từ hằng chục cuốn sách mà tôi biết rất chắc là khi ấy ở Mỹ không có cuốn nào, dịch dễ dàng từ nhiều ngôn ngữ và thỉnh thoảng gọi to cho tôi đang ngồi trong phòng làm việc của mình, để biết cách viết sang tiếng Anh cho đúng một thành ngữ cổ nào đó, vì lúc ấy bà chưa viết thông thạo như về sau thấy trong bộ The Secret Doctrine.

Cháu ngoại của giáo sư Corson nhớ là nghe ông ngoại bảo không hiểu sao HPB có được các con số, nhưng chẳng bao lâu cả nhà thấy là có một bàn tay ốm màu nâu của người Ấn Độ từ dưới bàn vươn ra viết xuống điều gì bà cần mà khi kiểm lại thì luôn luôn đúng. Nói về những đoạn mà HPB trích dẫn trong bộ Isis, ông nhận xét là:

- Chính bà cho tôi hay là viết chúng lại khi sách hiện trước mắt bà ở một cũi khác, bà luôn luôn thấy rõ ràng trang sách và đoạn trích dẫn bà cần, chỉ việc dịch cái bà đọc sang Anh văn... Cái chắc chắn là hằng trăm cuốn sách mà bà trích không có trong thư viện của tôi, nhiều quyển không có ở Mỹ, một số rất hiếm và khó mà kiếm thấy ở Âu châu, còn nếu bà trích từ ký ức của mình thì đó lại là chuyện đáng kinh ngạc hơn là viết ra cái bà thấy ở cũi vô hình. Chuyện bà làm thật là tuyệt vời mà ai suy nghĩ theo lối thường hẳn sẽ thấy lạ lùng với lời giải thích.

Nhiều năm về sau, khi được hỏi là trong số những người đáng chú ý mà ông đã gặp ai là người nổi bật nhất, ông bảo đó là bà Blavatsky. Một tháng sau bà rời nhà giáo sư Corson quay về New York tiếp tục viết bộ Isis 17 tiếng một ngày, ngồi nhà cả sáu tháng liền không đi ra phố.

Khi soạn xong, Isis cần người viết danh mục (Index) và theo lời đề nghị của nhà xuất bản, ông Olcott mời giáo sư Alexander Wilder đảm nhận việc này. Ông Wilder là triết gia tiếng tăm lúc bấy giờ, vào năm 1908 trong bài mang tựa đề 'How Isis Was Written' ông viết:

- Đó quả là tài liệu đồ sộ, cho thấy có nghiên cứu trong lãnh vực thật rộng rãi, đòi hỏi công lao khó nhọc lẫn sự thông thạo nhiều đề tài khác nhau. Bản thảo là kết quả của việc tìm tòi lớn lao, có tính cách mạng đối với lối suy nghĩ đương thời... Đại tá Olcott rất muốn tôi làm quen với bà Blavatsky, tôi dẫn đo một lúc lâu rồi cùng ông đến nơi hai vị cư ngụ ở đường 47... Bà có cung cách và hình dạng không giống như tôi tưởng, người cao nhưng không rắn rỏi, gương mặt có dấu vết và biểu lộ đặc tính của người đã đi nhiều nơi, thấy nhiều việc, suy nghĩ và kinh nghiệm lắm điều... Bà trò chuyện vô cùng khéo léo, thành thạo mọi việc mà chúng tôi thảo luận. Bà nói Anh văn trôi chảy như cách của người hoàn toàn quen thuộc với nó và suy nghĩ bằng ngôn ngữ đó. Đối với tôi nói chuyện với bà thì cũng y như với bất cứ thân hữu nào của tôi...

'Sau khi sách được in ra và phát hành, có tranh luận về ai thực sự là tác giả sách. Nhiều người không muốn nhìn nhận rằng bà Blavatsky có đủ hiểu biết hay có khả năng trí tuệ để viết ra tác phẩm như vậy. Có người cho rằng tôi mới đúng là tác giả... không ai quen thuộc với lối viết văn của tôi lại có thể tin rằng tôi là người viết Isis Unveiled.'

Về phần HPB, bà giải thích:

- Bộ Isis chứa đựng khối lớn tài liệu nguyên thủy chưa hề được tiết lộ về các đề tài huyền bí, tội bệnh vực tư tưởng và chỉ dạy trong sách mà không sợ bị cho là kiêu ngạo vì cả tư tưởng và chỉ dạy đều không phải là của tôi như tôi vẫn hằng tuyên bố. Tôi khẳng định là cả hai có giá trị to tát nhất cho người có khuynh hướng thần bí và người học hỏi MTTL.

Isis xuất bản tháng 9, 1877 gồm 2 cuốn tổng cộng hơn 1200 trang chữ nhỏ, gây tiếng vang lớn lao mà cũng tạo nhiều kẻ thù cho HPB. Bà biết trước điều này qua lời giới thiệu ở đầu sách:

- Người Thiên chúa giáo sẽ thấy là sách đặt câu hỏi về những chứng cứ cho rằng tín điều của họ đúng thật... Sách không có chữ nào chống đối lời dạy chân chính của đức Jesus nhưng tố cáo không nương tay việc hạ thấp chúng thành hệ thống tín ngưỡng sai lạc, gây hại cho niềm tin của con người vào chuyện bất tử và Thượng đế, cùng phá hại mọi kèm chế về mặt đạo đức... Sẽ có nhiều người chỉ trích ngay thẳng mà cũng có nhiều phê bình tàn tệ, nhưng chúng tôi nhìn vào tương lai, chúng tôi làm việc cho một ngày mai tươi sáng hơn.

Sách là thành công tức thì, báo chí viết rằng mức sách bán là chuyện chưa hề có trước đây cho loại sách như thế, trọn ấn bản 1000 cuốn bán hết trong vòng 10 ngày sau khi phát hành, vượt quá sự mong đợi của nhà xuất bản. Nhiều đợt tái bản tiếp theo sau đó cũng như vẫn còn tiếp tục đến ngày nay. Quyển đầu có tựa là Khoa Học (Science), quyển thứ hai là Thần Học (Theology). Từ đây tới lúc cuối đời HPB sinh sống bằng ngòi bút của mình, bà viết bài viết chuyện, dịch chuyện đăng báo tại Hoa Kỳ, Nga. Lợi tức ít ỏi nhưng bà theo sát chủ trương của mình cũng như hết sức rộng rãi với người khác như ta sẽ biết về sau. Khi thấy Isis thành công lớn, nhà xuất bản rất hài lòng nên đề nghị bà viết một cuốn khác tiếp theo và chịu ứng trước một số tiền đáng kể, đầu lúc đó rất cần tiền nhưng HPB từ chối với lý do là bà không được phép tiết lộ nhiều bí ẩn hơn cái đã viết trong Isis.

Quyển I, Khoa Học, xem xét chương đầu của sách Origin of Species, Charles Darwin và sách Physical Basis of Matter, Thomas Huxley. HPB không phản đối quyển trước nhiều như quyển sau. Nét chính trong tư tưởng của Darwin là nhiều loài tiến hóa từ một số ít loài, nếu nhìn nhận luật tiến hóa thì nói rộng ra người ta có thể chấp nhận ý kiến ấy tuy có thể không chấp nhận phần chi tiết mà ông đề ra. Darwin không nói những loài đầu tiên từ đâu mà có, sự bỏ qua điều này khiến còn khoảng trống để tinh thần có chỗ đặt chân nhưng Huxley chặn mất khe hở này với xác định là mọi vật từ vật chất nguyên sinh (protoplasm) mà ra. Chủ trương ấy thẳng tay bác bỏ tính thiêng liêng tuy Huxley không biết, và hệ quả là ngày nay nhiều thuyết khoa học nêu ra hoàn toàn không có phần tâm linh, như nói rằng loài vật không có cảm xúc như người vì chúng không có linh hồn. Cái sau là điều mà HPB chống đối mạnh mẽ.

Trong sách, những chuyện lạ lùng ghi trong kinh thánh và những cổ thư khác được xem xét và khẳng định là chúng không nhất thiết là giả tưởng hay siêu phàm (là chuyện không thể có được), mà có thể giải thích được theo một khoa học khác với khoa học vật chất hiện thời. Sách của Huxley có trích một câu nói:

- Phép lạ là sự vi phạm luật thiên nhiên.

Câu đáp của HPB dài hơn 628 trang mà tóm tắt là:

- Đúng thế, nhưng có những luật trong thiên nhiên mà quý vị không hiểu.

Quyển II, Thần Học, bà thách đố lời tự tôn của Thiên chúa giáo là sở hữu những chỉ dạy chỉ riêng nó có, và trình bày cho thấy các biểu tượng trong tôn giáo này phát sinh từ biểu tượng của nhiều tôn giáo trước nó, nhất là của Ai Cập. Có một triết lý minh triết nằm bên trong mỗi tôn giáo lớn và triết lý này giống y nhau trong các tôn giáo. Cái yếu tính vĩnh cửu, không thể xóa nhòa, bất khả tư nghị mà mọi suy luận chỉ vô ích, là cái vô pháp tính. Không có cực nào vì hai cực là một, khi theo sự tuần hoàn hai cực đối nghịch nhau thì một vũ trụ thành hình. Cực nữ hay Thánh Mẫu Đồng Trinh đích thực được gọi là Isis trong tôn giáo của cổ Ai Cập, từ đây sinh ra

tinh vân và các vĩ tinh tú, nhưng ý niệm này được giáo hội Thiên chúa giáo đồng hóa với mẹ của một nhà tiên tri. Một số tranh đức Mẹ Đồng Trinh vẽ những ngôi sao lấp lánh quanh đầu ngài, còn hoa huệ mà ngài cầm trong tay ở những tranh khác thì không gì hơn là biến thể tây phương của hoa sen, loại hoa thánh của Isis. Quan niệm ba ngôi của tây phương cũng phát xuất từ Osiris và Horus, Cha và Con của Ai Cập cổ.

Theo bà Phật giáo là tôn giáo trung bày triết lý minh triết này rõ ràng nhất. Buddhi có nghĩa là huệ, minh triết và khi nói tới Phật giáo bà không nhất thiết nói đến một kinh sách nào vì có những vị Phật đã xuất hiện trước đức Thích Ca và đức Di Lặc sẽ đến với thế gian sau ngài. Điều bà luôn luôn muốn nói khi dùng chữ Buddhism là cái triết lý minh triết học hỏi được từ các Chân Sư mà không hàm ý Phật giáo.

Trong chương cuối của quyển II có ghi '10 Điểm của Isis' với lời giới thiệu:

- Để hiểu các nguyên lý của luật thiên nhiên có can dự... độc giả cần giữ trong trí những định đề căn bản của triết lý đông phương mà chúng tôi đã giải thích. Ta hãy nhắc lại thật ngắn:

1. Không có phép lạ. Mọi việc xảy ra là kết quả của luật vĩnh cửu, không thay đổi, luôn luôn tác động.

2. Thiên nhiên có ba phần thành một: có một thiên nhiên hữu hình, khách quan; một thiên nhiên vô hình, nội tại, chủ lực, cái là mô hình giống hệt cái trước và là nguyên lý thiết yếu cho nó; và trên cả hai cái là tinh thần, cái nguồn cội của mọi lực, chỉ mình nó là vĩnh cửu và bất hoại.

3. Con người cũng gồm có ba phần: ta có thân xác là cái khách quan, linh hồn là con người thật, và một phần thứ ba bao trùm soi sáng hai phần này, cái là chủ thể và là tinh thần bất tử. Khi con người thật hòa hợp được với cái sau thì ta trở thành thực thể bất tử.

4. Huyền thuật (magic), nói về mặt khoa học thì đó là sự hiểu biết về những nguyên lý và phương cách mà nhờ đó con người có được sự toàn tri, toàn năng và kiểm soát những lực trong thiên nhiên trong lúc còn ở trong xác phàm. Nếu nói như là một thuật thì đó là việc áp dụng hiểu biết này vào thực hành.

5. Minh triết cổ thời khi bị lạm dụng thì thành tà thuật còn nếu sử dụng cho mục đích tốt lành thì ta có huyền thuật chân chính hay Minh Triết.

6. Thuật đồng cốt là cái đối nghịch với sự đặc đạo, người đồng là dụng cụ thụ động cho những năng lực khác lạ, còn vị đạo sư chủ động kiểm soát mình và tất cả những tiềm năng thấp hơn.

8. Tất cả những vật đã từng hiện hữu, đang hay sẽ là, đều được lưu trữ trong ký ức của vũ trụ vô hình. Vị đạo sư có huấn luyện khi dùng nhãn quang tâm linh có thể biết tất cả những gì đã biết hay có thể biết được (trong thái dương hệ của chúng ta).

9. Một trong những huyền thuật là việc linh hồn tự ý rút khỏi thân xác có ý thức. Với một số đồng cốt cũng có sự rút khỏi này nhưng nó vô thức và không tự ý... Đối với việc di chuyển đó đây của linh hồn thì nó không bị hạn chế trong không gian lẫn thời gian. Nhà huyền thuật tinh thông về khoa huyền bí có thể làm cho thân xác mình như biến mất đi, hay có vẻ như lấy hình dạng khác theo ý họ, làm cho thể thanh của họ hiển hiện hay cho nó hình dạng khác...